

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



**DANH SÁCH NGƯỜI DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT TUYỂN THỰC HÀNH
VÒNG 2**

(Kèm theo Thông báo số 2408/TB-GDDT-TC ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng xét tuyển viên chức)

Buổi chiều, ngày 18/07/2019

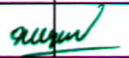
TT	Mã ID	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
1	HL19_723	NÀNG XÔ VI	11/02/1996	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
2	TT19_734	PHẠM LÊ HUNG PHÚC	01/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
3	HD19_735	HOÀNG XUÂN QUÝ	18/08/1989	Nam	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
4	HD19_745	NGUYỄN THANH HOÀNG	09/06/1995	Nam	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
5	KL19_749	HUỲNH THỊ TÚ ANH	10/04/1997	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
6	LT19_756	HỨA THỊ DIỆU HẰNG	02/11/1984	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
7	TT19_812	PHẠM THỊ KIỀU OANH	10/04/1993	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
8	KL19_845	LƯƠNG THỊ VINH	12/08/1985	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
9	TT19_862	PHẠM THỊ THANH THUẦN	24/09/1994	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
10	TQ19_915	VŨ TRẦN HOÀNG ĐẠI	30/11/1997	Nam	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
11	TT19_919	TRẦN THỊ CẨM HỒNG	17/02/1986	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
12	HD19_920	MAI THỊ THANH THÚY	05/07/1995	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 1	
13	TQ19_963	NGUYỄN VĂN TOÀN	06/06/1985	Nam	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
14	BN19_1026	BÙI THỊ THUỶ TIỀN	29/01/1995	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
15	TQ19_1029	HOÀNG TƯ	19/04/1995	Nam	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
16	MH19_1059	NGUYỄN ANH THƯ	19/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
17	KL19_1060	NGUYỄN THỊ LÝ	01/03/1997	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
18	LT19_1087	LÊ THỊ THẨM	28/12/1996	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
19	LT19_1113	NGUYỄN THỊ BẢO VÂN	18/05/1996	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
20	LT19_1118	NGÔ THỊ ĐÔNG	26/01/1994	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
21	BN19_1124	HOÀNG PHÚC THỊNH	08/01/1994	Nam	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
22	LN19_1147	HỒ THỊ NHỊ	10/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
23	BN19_1149	NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	01/07/1997	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
24	MH19_1153	ĐẬU THỊ HẢI VÂN	10/11/1997	Nữ	Giáo viên môn Địa lý	Địa 2	
25	LT19_729	NGUYỄN THỊ HUỆ	12/05/1996	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 1	
26	LT19_736	TRẦN THỊ UYÊN PHƯƠNG	15/03/1991	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 1	
27	HL19_804	NGUYỄN KHÁNH LINH	04/03/1995	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 1	
28	KL19_857	TRẦN VĂN PHỤNG	25/09/1988	Nam	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 1	
29	MH19_890	VÕ THỊ TUYẾT MAI	06/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 1	
30	TT19_924	HUỲNH VĂN TUẤN	12/12/1987	Nam	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 1	
31	TT19_971	NGUYỄN THỊ TRANG	04/04/1993	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 1	
32	KL19_1002	LÊ THỊ VUI	20/10/1988	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
33	TQ19_1086	LÊ THÚY QUỲNH	09/11/1997	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
34	HD19_1105	HUỲNH MAI EM	10/02/1982	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
35	TT19_1139	NGUYỄN VĂN PHA	01/01/1995	Nam	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
36	HL19_1252	PHAN THỊ PHƯỢNG	02/09/1994	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
37	HD19_1255	VÕ THỊ KIM THOA	22/04/1994	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
38	HL19_1276	NGUYỄN THỊ VIỆT TRINH	11/03/1994	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
39	KL19_1279	TRẦN CẨM THÚY	09/01/1984	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục công dân	GDCD 2	
40	KL19_539	TRẦN HỮU TRỌNG	15/01/1997	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
41	HL19_684	ĐÀO NGÔ PHÚC TRIỀU	01/10/1997	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
42	TT19_690	NGUYỄN HỒNG THÁI	28/08/1997	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
43	BN19_703	VÕ THỊ THU THƯỜNG	10/07/1996	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
44	TQ19_725	HUỲNH QUỐC DŨNG	01/06/1993	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
45	LN19_752	NGUYỄN THỊ NGỌC HIỀN	26/11/1997	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
46	LN19_758	NGUYỄN THỊ TRÚC PHƯƠNG	15/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
47	LT19_763	NGUYỄN CHÍ LINH	25/01/1994	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
48	BN19_807	LÊ NHẬT TRƯỜNG	06/04/1995	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
49	BN19_852	NGUYỄN ĐÌNH HUY	30/05/1996	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 1	
50	HL19_938	LÊ VĂN THÀNH	06/11/1990	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
51	LN19_946	LÊ MINH CẢNH	20/11/1988	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
52	LN19_986	LÊ PHẠM THÀNH DUY	21/05/1993	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
53	TQ19_1011	LÊ HOÀNG PHÚ	14/07/1996	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
54	LT19_1042	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	04/04/1995	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
55	MH19_1047	LÊ THANH NHÂN	20/12/1989	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
56	LT19_1127	PHẠM NGỌC MINH LÝ	01/03/1996	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
57	TT19_1150	NGUYỄN HỮU KHANG	28/03/1997	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
58	TT19_1163	PHẠM HOÀNG QUYÊN	21/04/1997	Nữ	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
59	LT19_1168	ĐÀO CÔNG BINH	19/07/1997	Nam	Giáo viên môn Giáo dục quốc phòng	Quốc phòng 2	
60	MH19_628	PHAN THỊ HIỆP	22/02/1986	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
61	KL19_629	PHẠM THỊ KIM TUYỀN	30/09/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
62	HD19_631	TRÁC MINH NHÂN	15/09/1996	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
63	MH19_635	NGUYỄN THỊ THANH KIM HUỆ	01/01/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
64	BN19_639	DƯ THỊ THANH XUÂN	24/08/1991	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
65	HL19_642	HUỲNH VĂN HIỀN	19/08/1996	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
66	TT19_657	TRƯƠNG THỊ LÂM THẢO	25/05/1982	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
67	LN19_666	ĐỖ THỊ THU HƯỜNG	09/04/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
68	BN19_670	PHẠM THÙY LY	09/08/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
69	LT19_671	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	01/04/1997	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
70	BN19_679	NGUYỄN NGỌC ĐAN THANH	19/08/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
71	LT19_682	NGUYỄN THỊ NGÂN	22/11/1991	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 1	
72	TQ19_683	NGUYỄN THÀNH TRUNG	14/08/1997	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
73	BN19_685	VÕ HOÀNG THỦY VÂN	02/06/1989	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
74	TT19_697	DƯƠNG HOÀNG NAM	13/10/1986	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
75	MH19_699	HUỲNH THỊ KIM HOÀNG	16/11/1991	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
76	LN19_701	VÕ THỊ TRÚC	01/09/1987	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
77	LT19_702	LƯƠNG VĂN HÙNG	01/02/1992	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
78	HD19_710	NGUYỄN NGỌC THU NGÂN	12/11/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
79	LN19_718	VÕ THỊ HOA QUỲNH	10/09/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
80	MH19_722	TRẦN THỊ KHANH HOA	12/04/1990	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
81	BN19_726	VƯƠNG LÊ ÁI THẢO	03/10/1993	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
82	BN19_732	PHẠM NHẬT HOÀNG	13/10/1995	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
83	BN19_739	TRẦN THỊ HOÀI NHƯ	09/11/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 2	
84	KL19_740	NGUYỄN NGỌC YẾN	01/01/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
85	TT19_773	DƯƠNG MINH HIỀN	10/03/1988	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
86	HL19_774	PHẠM KHÁNH NAM	03/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
87	TT19_778	PHAN THỊ THẢO TRÂM	21/02/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
88	BN19_795	NGUYỄN THỊ KIM OANH	10/04/1993	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
89	TT19_820	NGUYỄN THANH PHONG	12/09/1996	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
90	LN19_822	NGUYỄN LỆ QUYÊN	18/03/1984	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
91	TT19_823	NGUYỄN ĐÌNH HẢO	04/10/1997	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
92	BN19_824	LÊ VIỆT LINH	02/11/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
93	TT19_828	BÊ NGỌC SANG	11/06/1996	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
94	MH19_835	CÙ HUY THẮNG	09/12/1988	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
95	TQ19_836	PHẠM THỊ THU HỒNG	02/01/1991	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 3	
96	LT19_848	NGUYỄN THỊ THU THỦY	03/07/1989	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
97	TQ19_849	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	13/11/1997	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
98	HL19_858	HÀ TUẤN ĐẠT	09/05/1997	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
99	HL19_863	VÕ THỊ NGỌC HÀ	21/07/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
100	LN19_872	LỤC THỊ KIM DUYÊN	26/02/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
101	KL19_875	TRẦN THỊ THU	04/05/1987	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
102	LT19_877	TRƯƠNG THỊ KIỀU OANH	15/07/1991	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
103	BN19_880	HỒ A TRỌNG	01/01/1996	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
104	HD19_887	NGUYỄN THIÊN ÂN	15/07/1994	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
105	KL19_894	LÊ VĂN TRUNG HIẾU	05/01/1989	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
106	LT19_899	TRẦN THỊ NGÂN THOA	10/11/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
107	HD19_903	NGUYỄN THỊ DIỄM KIỀU	23/12/1993	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 4	
108	HL19_904	NGUYỄN THỊ MỸ LỘC	09/09/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
109	TQ19_905	ĐỖ MINH HÒA	10/09/1990	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
110	MH19_907	VÕ THỊ THÚY HƯƠNG	11/12/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
111	LT19_908	NGUYỄN TUẤN THÀNH	05/10/1995	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
112	BN19_923	NGUYỄN THỊ AN	15/09/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
113	MH19_936	VÕ NGỌC THỦY TRANG	06/12/1989	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
114	HD19_941	ĐẶNG THỊ VÂN THỦY	08/11/1987	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
115	TT19_953	LÊ THỊ THỦY HẰNG	02/05/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
116	HL19_954	HUỖNH THỊ NGỌC CHÂU	05/10/1988	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
117	LN19_959	TRẦN THỊ MỸ LINH	09/04/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
118	TQ19_961	TRẦN ANH TUẤN	01/01/1990	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
119	HL19_972	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG UYÊN	01/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 5	
120	LN19_973	HOÀNG THỊ ANH THƯ	23/05/1991	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
121	BN19_994	ĐẶNG HỮU TOÀN	10/10/1995	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
122	HD19_1000	NGUYỄN THÔI	30/10/1987	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
123	MH19_1012	LÊ TRUNG HẢI	01/01/1985	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
124	KL19_1013	DUY THỊ HỒNG NHUNG	22/11/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
125	LN19_1014	NGUYỄN THỊ HOÀI ĐIỆP	25/12/1993	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
126	BN19_1015	NGUYỄN THỊ LY NA	05/02/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
127	LN19_1020	VÕ NGUYỄN HOÀI AN	27/04/1997	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
128	TT19_1032	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	09/01/1991	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
129	LT19_1036	HUỖNH THỊ NGỌC MAI	13/04/1982	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
130	HD19_1050	MAI THỊ VÀNG	07/12/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
131	HL19_1070	NGUYỄN NGỌC HUYỀN NGÂN	29/03/1997	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 6	
132	MH19_1075	VÕ ANH DƯƠNG	17/08/1994	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
133	TT19_1076	PHAN THỊ THỦY DUNG	16/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
134	BN19_1085	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	15/06/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
135	HL19_1093	LÊ VĂN NAM	30/01/1995	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
136	LN19_1099	HUỖNH THỊ TƯỜNG VI	27/07/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
137	MH19_1112	LA VIỆT THY	25/02/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
138	LN19_1115	HUỖNH THỊ MỸ PHÚC	13/11/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
139	TT19_1145	TRẦN MINH QUANG	26/04/1997	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
140	BN19_1154	NGUYỄN THỊ DIỆU ÁI	27/01/1995	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
141	TT19_1157	TRẦN THIÊN TRÍ	05/09/1995	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
142	HD19_1159	NGUYỄN THÀNH LUÂN	02/12/1994	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	
143	TQ19_1172	TRẦN VĂN TRẦN	25/01/1986	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 7	

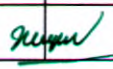
TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
144	HD19_1173	HUỖNH THỊ NGỌC NHI	10/03/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
145	TQ19_1183	NGUYỄN NHƯ MAI HƯƠNG	27/12/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
146	LN19_1192	VÕ THỊ MINH ÁNH	25/03/1990	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
147	BN19_1221	NGUYỄN THỊ HOÀI KHANH	04/08/1994	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
148	MH19_1233	NGUYỄN THỊ HOA	13/03/1996	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
149	TQ19_1236	TRẦN PHAN KHÁNH LINH	11/08/1997	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
150	LN19_1239	SÚ QUANG KIẾT	23/10/1996	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
151	HD19_1246	NGUYỄN QUÍ	08/04/1993	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
152	TT19_1256	HỒ THỊ BẢO GIANG	20/04/1997	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
153	KL19_1262	PHẠM NGUYỄN THỊ HỒNG NGUYỄN	02/10/1992	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
154	MH19_1270	LÊ THÙY TRANG	20/05/1982	Nữ	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
155	LT19_1273	PHAN VĂN HÙNG	19/07/1994	Nam	Giáo viên môn Hóa học	Hóa 8	
156	LN19_742	DƯƠNG VĂN TRIÊM	20/06/1985	Nam	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
157	BN19_746	HUỖNH THỊ NGỌC LINH	23/01/1997	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
158	LN19_796	PHẠM THỊ HỒNG THƯ	25/01/1985	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
159	HD19_809	NGUYỄN THỊ PHÚC	29/08/1993	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
160	HL19_813	PHẠM THỊ NGỌC BÍCH	03/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
161	LN19_861	NGUYỄN ĐỨC HỒNG	12/03/1987	Nam	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
162	TT19_896	HOÀNG THANH HẰNG	19/03/1994	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
163	TQ19_926	LÝ CÔNG TRÌNH	06/11/1992	Nam	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
164	HL19_931	TRẦN THỊ KIM QUYÊN	25/02/1996	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
165	TT19_935	NGUYỄN VỎ ANH DŨNG	18/09/1996	Nam	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
166	MH19_950	PHẠM THỊ HOÀI THƯƠNG	08/10/1989	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
167	BN19_974	HỒ TRANH PHÍ	09/07/1996	Nam	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 1	
168	HD19_976	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	27/02/1989	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
169	TT19_983	NGUYỄN THỊ HIỀN TRANG	07/03/1991	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
170	LT19_1057	NGÔ THỊ MAI	02/08/1992	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
171	LT19_1071	TRƯƠNG QUỐC KIM	02/11/1988	Nam	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
172	HL19_1137	ĐINH THỊ MỸ KỶ	05/04/1997	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
173	LT19_1138	LỖ ĐÌNH KIẾT	10/02/1995	Nam	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
174	TQ19_1213	TRẦN THỊ CẨM VÂN	20/10/1997	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
175	TT19_1220	LÊ VĂN THẮNG	08/11/1988	Nam	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
176	KL19_1222	PHẠM THÙY LINH	19/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
177	LT19_1226	NGUYỄN THỊ LIÊN	05/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
178	BN19_1232	NGUYỄN ĐỖ NGUYỆT TRÚC	09/11/1994	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
179	TT19_1250	TRẦN THỊ HIỀN	12/09/1990	Nữ	Giáo viên môn Lịch sử	Sử 2	
180	TQ19_558	LỖ THỊ LUYẾN	12/05/1983	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
181	BN19_565	NGUYỄN THU VY	20/03/1997	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
182	TT19_571	TRƯƠNG THỊ YÊN NHI	29/12/1995	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
183	TQ19_580	NGUYỄN THỊ HOÀI	08/03/1995	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
184	BN19_595	Bùi Thị Thao	18/06/1990	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
185	HD19_599	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN	21/09/1992	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
186	KL19_605	NGUYỄN THỊ THÀNH	03/06/1975	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
187	LT19_610	LƯƠNG THỊ THU HIỀN	15/10/1979	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
188	LN19_630	TRẦN THỊ LAN ANH	01/12/1982	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
189	TT19_637	LÊ NGUYỄN THÙY TRANG	28/05/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 1	
190	LN19_638	ĐOÀN THỊ THÚY KIỀU	19/10/1990	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
191	KL19_643	ROÃN THỊ TRANG	25/08/1983	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
192	TQ19_646	TRẦN THỊ TƯỜNG VY	20/10/1993	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
193	HL19_649	TRẦN NHÂN QUÝ	27/03/1995	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
194	TQ19_654	QUÁCH THỊ HƯỜNG	24/05/1987	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
195	TT19_662	NGUYỄN VÕ THẢO SANG	06/02/1990	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
196	BN19_689	NGUYỄN CHÍ TRUYỀN	13/05/1997	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
197	TQ19_719	HỒ THỊ HẢO	03/02/1995	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
198	TT19_727	BÙI THỊ HƯƠNG	02/06/1994	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
199	TQ19_728	CAO THỊ KIM NGÂN	30/11/1997	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 2	
200	MH19_738	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	15/02/1993	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
201	HL19_750	TRẦN THỊ KIM NGÂN	20/01/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
202	HL19_766	NGUYỄN HOÀNG NHÂN	02/08/1997	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
203	LT19_768	HUỲNH THÁI CHUÔNG	24/03/1997	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
204	BN19_771	DỊCH THỊ HỒNG ÁNH	05/07/1993	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
205	LT19_780	BÙI THỊ HUỆ	16/03/1997	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
206	TQ19_810	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	20/09/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
207	HL19_837	MAI THỊ HƯƠNG	28/10/1991	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
208	HL19_865	LÊ THỊ CẢNH BĂNG	01/01/1994	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
209	TT19_866	TRẦN THỊ KHAI	07/06/1992	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 3	
210	MH19_878	TRẦN THỊ VÂN	20/10/1984	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
211	LN19_897	HỒ THỊ HỒNG	05/06/1997	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
212	TT19_960	ĐỖ MINH TRÍ	03/07/1997	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
213	MH19_981	TRỊNH VĂN TRƯỜNG	21/03/1983	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
214	TQ19_992	NGUYỄN ĐAN CHI	10/04/1978	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
215	HD19_1027	CÙ THỊ MỸ LÂM	21/01/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
216	HD19_1031	VŨ THỊ XOAN	05/10/1993	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
217	BN19_1045	LÊ THỊ HUYỀN NHUNG	30/03/1997	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	

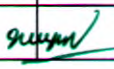
TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
218	LN19_1048	VÕ THỊ HẰNG	05/08/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
219	HL19_1079	TRẦN THỊ MINH HƯƠNG	17/08/1988	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 4	
220	TT19_1082	NGUYỄN THỊ QUYÊN	29/01/1991	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
221	MH19_1097	VÕ THỊ HUỆ	20/04/1992	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
222	KL19_1101	HÀ THỊ YẾN LINH	20/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
223	LT19_1104	NGUYỄN TRẦN TÂM ANH	22/01/1996	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
224	LT19_1116	NGUYỄN VĂN TIẾNG	13/11/1995	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
225	BN19_1120	VÕ THỊ THU HÀ	13/10/1982	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
226	LN19_1132	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	08/10/1997	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
227	TT19_1133	CAO THỊ THANH THÚY	03/03/1993	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
228	MH19_1134	ĐẶNG TRẦN HOÀNG THÔNG	30/01/1996	Nam	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
229	KL19_1135	PHAN THỊ THÙY	08/10/1985	Nữ	Giáo viên môn Ngữ văn	Văn 5	
230	LN19_937	DƯƠNG THỊ VÂN	02/01/1994	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
231	BN19_940	PHẠM THỊ HỒNG NGOAN	14/01/1996	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
232	TT19_942	NGÔ THỊ NGỌC SƯƠNG	19/08/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
233	KL19_967	PHAN QUỲNH TRÂM	29/04/1994	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
234	TQ19_1001	NGUYỄN THỊ HOÀNG DUNG	14/02/1995	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
235	BN19_1007	ĐỖ THỊ TUYẾT MAI	26/06/1989	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
236	TQ19_1008	HOÀNG THỊ PHƯƠNG PHÚC	29/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
237	HD19_1010	TÔ THỊ THANH THÚY	04/10/1989	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
238	LN19_1022	CAO THỊ NGỌC ÁNH	10/08/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
239	BN19_1023	CHÂU THỊ THẬN	05/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 1	
240	LN19_1025	LÊ THỊ HIỀN	10/04/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
241	KL19_1030	NGUYỄN THỊ THU BÌNH	15/06/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
242	KL19_1033	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	01/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
243	BN19_1034	NGUYỄN HOÀNG TRÍ	12/04/1997	Nam	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
244	BN19_1062	TRẦN VÕ TƯỜNG VY	06/03/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
245	HD19_1083	HUỲNH THỊ DIỄM TRANG	06/11/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
246	LT19_1122	NGUYỄN THỊ BẢO VY	10/05/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
247	MH19_1123	ĐÌNH THỊ HẢI YẾN	10/01/1995	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
248	HL19_1125	NGÔ THỊ THO	16/12/1996	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
249	HL19_1143	NGUYỄN HỮU THIÊN	19/04/1996	Nam	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 2	
250	TQ19_1144	PHẠM ĐỨC LÂM	08/02/1995	Nam	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
251	BN19_1160	LÊ THỊ TRANG	09/02/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
252	LT19_1171	NGUYỄN THỊ LINH	10/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
253	LT19_1176	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÚC	28/10/1995	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
254	MH19_1185	LA HOÀNG TRÚC NGÂN	28/12/1995	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
255	KL19_1191	ÂU LÊ THIÊN THANH	11/01/1990	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
256	BN19_1194	NGUYỄN THỊ HỒNG	25/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
257	MH19_1201	ĐỖ THỊ THÙY TRÂM	29/04/1995	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
258	LT19_1206	LÊ THỊ HẢO	20/12/1985	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
259	BN19_1228	PHẠM THỊ CHUNG	16/05/1996	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 3	
260	HD19_1238	BÙI THỊ HỒNG CHIÊN	22/03/1993	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
261	BN19_1260	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	08/09/1996	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
262	HL19_1285	LÊ THỊ NGỌC DIỄM	25/08/1995	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
263	TT19_1296	BÙI THỊ KIM NGÂN	28/10/1995	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
264	BN19_1301	NGUYỄN THỊ THOẠI MY	10/09/1994	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
265	TA19_1304	HUỲNH THỊ HỘI	02/03/1995	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
266	TQ19_1319	TRẦN THỊ THANH NGÂN	16/03/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
267	TQ19_1330	PHAN THÚY HÀ	02/02/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
268	TA19_1353	LÊ THỊ THANH TÂM	16/03/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
269	TQ19_1354	HOÀNG THỊ THU THỦY	29/11/1997	Nữ	Giáo viên môn Sinh học	Sinh học 4	
270	BN19_613	LẠC CHÍ ĐỨC	24/10/1995	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
271	TT19_624	TRẦN VĂN ĐỘ	05/02/1995	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
272	KL19_672	NGUYỄN THÂN HỮU TÍN	27/01/1997	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
273	BN19_698	NGUYỄN DUY NGUYỄN	14/05/1994	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
274	HD19_716	PHẠM ĐÔNG THƯƠNG	20/07/1996	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
275	TQ19_853	NGUYỄN CÔNG HẬU	05/03/1993	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
276	LT19_914	PHAN THANH NHẬT	14/08/1993	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
277	BN19_945	LÊ THANH PHONG	13/05/1987	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
278	KL19_956	PHẠM HỮU HUY	13/05/1996	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
279	HL19_962	HUỲNH THỊ NGỌC THUYẾT	28/11/1976	Nữ	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
280	HD19_965	VÕ CHÁNH TRỰC	06/05/1985	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 1	
281	MH19_995	HOÀNG HIỆP	24/08/1993	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
282	LT19_1004	VŨ VĂN TIỀN	10/10/1997	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
283	HD19_1019	TẠ DUY LINH	22/03/1990	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
284	TQ19_1035	HUỲNH ÁI VÂN	20/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
285	HD19_1041	TRẦN THỊ NGỌC PHIÊN	11/10/1997	Nữ	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
286	MH19_1053	LƯU THỊ HIỆP	23/04/1992	Nữ	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
287	BN19_1072	LÊ TẤN LỘC	28/11/1997	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
288	BN19_1078	LIÊU CHÍ THUYỀN	11/05/1997	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
289	LN19_1081	TRẦN NGỌC SÁNG	21/08/1997	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
290	KL19_1178	HUỲNH THỊ KIM LIÊN	01/01/1996	Nữ	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	
291	LT19_1184	ĐẶNG THẢO NGUYỄN	08/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 2	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
292	BN19_1189	TRẦN NGỌC DŨNG	08/03/1995	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
293	KL19_1208	VŨ THỊ LEN	05/05/1993	Nữ	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
294	HL19_1227	LÊ VĂN TÂM	17/06/1989	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
295	LN19_1248	NGUYỄN VĂN HẢO	04/01/1996	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
296	LT19_1266	TRẦN TẤN DUY	25/12/1997	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
297	TQ19_1325	NGUYỄN QUỐC PHONG	16/07/1977	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
298	TA19_1342	NGUYỄN HỮU TÌNH	11/01/1996	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
299	TA19_1350	LƯU GIA MINH	04/06/1996	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
300	TA19_1356	PHAN TẤN LỘC	09/08/1997	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
301	TA19_1362	NGUYỄN NGỌC PHÚ	22/01/1977	Nam	Giáo viên môn Thể dục	Thể dục 3	
302	TQ19_525	TRẦN NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	02/04/1996	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
303	HD19_527	NGUYỄN DIỆU LINH	15/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
304	TT19_528	TRỊNH THỊ TÚ LINH	26/07/1996	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
305	BN19_536	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG MINH	11/06/2019	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
306	LT19_552	MAI PHƯƠNG ANH	13/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
307	KL19_582	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	05/10/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
308	TQ19_587	NGUYỄN XUÂN THẨM	25/01/1985	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
309	LN19_596	HOÀNG THỊ HUỆ	04/01/1994	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
310	HL19_597	PHẠM NGUYỄN NGỌC MAI	04/02/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
311	HL19_612	NGUYỄN HUỖNH MINH MẶN	08/01/1997	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
312	KL19_621	TẶNG THỊ MINH TÂM	14/11/1990	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
313	HL19_636	TRẦN TRUNG NGHĨA	04/01/1993	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	
314	MH19_653	TRƯƠNG THỊ MỸ THUẬN	27/09/1990	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
315	KL19_660	NGUYỄN THỊ TRÚC LY	18/06/1991	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
316	HD19_664	ĐỖ THANH THÚY	07/01/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
317	KL19_711	LÊ NGUYỄN VŨ	27/01/1992	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
318	LN19_715	TẶNG KIỀU DUNG	25/04/1981	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
319	LT19_724	CAO NGỌC PHƯƠNG UYÊN	05/09/1996	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
320	TQ19_737	PHẠM THỊ NGỌC HUYỀN	08/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
321	TT19_741	ĐOÀN THU MINH KHOA	13/08/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
322	HL19_779	LÂM DIỄM MY	31/01/1994	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
323	HL19_786	VÕ QUỐC TUẤN	06/10/1990	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
324	HD19_787	NGUYỄN HỮU CHÂU	31/05/1994	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
325	HL19_792	ĐOÀN LÊ THANH PHONG	19/12/1992	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	
326	BN19_801	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG	09/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
327	TT19_808	MAI THỊ VÂN	03/04/1975	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
328	LN19_811	NGUYỄN THỊ MỸ NHƯ	05/03/1986	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
329	KL19_814	PHẠM NGỌC THẢO	13/09/1989	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
330	KL19_833	PHẠM THỊ THÙY	01/02/1997	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
331	LN19_856	NGUYỄN KIỀU MY	01/01/1996	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
332	LN19_883	NGUYỄN CÔNG VƯƠNG	20/04/1986	Nam	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
333	TT19_910	MAI THỊ PHƯỢNG	27/11/1990	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
334	BN19_932	HUỖNH KIM THIÊN HƯƠNG	30/04/1994	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
335	TT19_948	PHẠM NGỌC LAN PHƯƠNG	28/04/1988	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
336	LT19_951	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LIÊN	30/06/1976	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
337	HD19_955	VƯƠNG TIỂU MY	03/12/1996	Nữ	Giáo viên môn Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	
338	LT19_640	NGỌC LÊ DUNG	19/07/1987	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
339	KL19_692	TRẦN NGỌC THU'	07/01/1997	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
340	MH19_717	PHAN THỊ THUẬN	03/05/1980	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
341	TQ19_806	Nguyễn Thị Ngọc Dung	09/11/1997	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
342	LN19_889	TẠ VŨ HOÀI THƯƠNG	28/09/1994	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
343	BN19_918	HÀ THANH KHIẾT	01/05/1988	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
344	MH19_929	HUỖNH HUỆ BÌNH	31/10/1995	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
345	LN19_964	PHAN THỊ THANH THẢO	24/07/1986	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
346	TT19_987	HỒ THỊ THI	25/03/1995	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
347	TT19_998	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	29/06/1997	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
348	BN19_999	TRẦN THẢO UYÊN	08/07/1994	Nữ	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
349	LN19_1199	NGUYỄN XUÂN HÒA	25/02/1994	Nam	Giáo viên môn Tin học	Tin học 1	
350	TQ19_800	NGUYỄN THỊ HẢI YÊN	02/03/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
351	LT19_802	MAI HA RA	14/04/1992	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
352	LT19_805	BÙI XUÂN HUNG	19/08/1993	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
353	HD19_815	ĐỖ THỊ THANH DUNG	18/02/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
354	TQ19_818	ĐỖ THỊ HÒA	30/07/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
355	TQ19_825	TRƯƠNG VĂN KẾT	20/12/1994	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
356	LT19_827	VŨ THỊ HỒNG BÍCH	27/03/1992	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
357	KL19_829	TRẦN TRUNG NHIỆM	12/01/1992	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
358	HL19_832	LÊ THỊ MINH CHÂU	10/05/1992	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
359	TT19_834	PHAN THỊ MAI	12/03/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
360	HL19_838	NGUYỄN THỊ THÙY NHUNG	05/09/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
361	TQ19_839	TRẦN THỊ ÁNH VY	20/10/1987	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 1	
362	MH19_840	TRƯƠNG NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	25/02/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
363	TT19_841	VŨ THỊ HƯƠNG DIỄM	25/01/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
364	TQ19_843	PHAN HUỖNH PHƯƠNG THÚY	02/02/1991	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
365	TQ19_846	NGUYỄN THANH LÂM	13/11/1989	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
366	MH19_847	TRẦN THỊ HỒNG HẠNH	20/06/1986	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
367	LN19_854	NGUYỄN THỊ MINH KHA	08/03/1992	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
368	HL19_859	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HỒNG	05/01/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
369	BN19_860	PHẠM VĂN CHỦ	10/06/1986	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
370	LN19_864	TRẦN THỊ VÂN ANH	25/01/1992	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
371	BN19_868	MAI VŨ LINH ĐAN	19/09/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
372	HL19_874	HUỖNH THỊ TUYẾT NHUNG	29/02/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
373	TQ19_876	HOÀNG QUỐC GIÁO	20/04/1983	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 2	
374	KL19_881	PHẠM DUY NGUYỄN	26/12/1995	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
375	TT19_885	NGUYỄN VŨ NHƯ LÂN	26/04/1987	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
376	MH19_886	LÊ THỊ THỦY DUNG	05/03/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
377	TT19_888	NGUYỄN LÂM THÀNH LỘC	29/11/1994	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
378	HL19_891	HUỖNH THỊ PHƯỚC	02/11/1990	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
379	TT19_892	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THANH	17/03/1992	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
380	HD19_895	ĐẶNG THỊ THẢO NGUYỄN	16/07/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
381	MH19_902	PHẠM THỊ DIỆP	16/05/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
382	LN19_909	ĐOÀN QUỐC ĐÔNG	15/10/1983	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
383	TQ19_911	ĐẶNG VĂN TÂM	25/01/1989	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
384	LT19_912	CHÂU QUANG DIỆU	01/01/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
385	HL19_916	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	05/01/1991	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 3	
386	MH19_917	TRẦN THỊ NGỌC	16/11/1987	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
387	TQ19_921	ĐỖ DUY AN	01/05/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
388	HD19_925	TRẦN NGỌC HIỀN	24/04/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
389	HD19_928	LÊ THỊ HIỆP	05/01/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
390	LT19_934	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	14/01/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
391	MH19_943	NGUYỄN THỊ LỆ	15/04/1990	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
392	HL19_947	HUỖNH VĂN THẬT	07/09/1993	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
393	LN19_949	LÊ THỊ THU	23/06/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
394	BN19_952	TRẦN THỊ THANH THẢO	21/11/1994	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
395	TT19_957	LÊ THỊ HOÀI TÂM	23/03/1994	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
396	LN19_969	NGUYỄN TIỀN HÀ	10/07/1980	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
397	MH19_970	BÙI QUỲNH HƯƠNG	22/11/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 4	
398	HL19_975	PHẠM HOÀNG VIỆT	14/06/1987	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
399	TQ19_977	NGUYỄN VĂN LỖ	01/01/1994	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
400	TT19_978	DƯƠNG TRỌNG ĐỨC	21/01/1996	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
401	TQ19_980	PHẠM THỊ KIM NGÂN	20/03/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
402	BN19_982	THÁI LÊ MINH LÝ	03/04/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
403	MH19_985	PHAN VĂN DŨNG	19/08/1988	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
404	LT19_988	NGUYỄN DANH QUỐC	14/09/1987	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
405	HD19_989	TRẦN LÊ CẨM NHUNG	01/01/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
406	HL19_990	ĐẶNG LÊ XUÂN ÁNH NGUYỆT	01/04/1983	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
407	KL19_993	VŨ THỊ HOA	09/02/1974	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
408	LN19_1005	PHẠM VĂN THÔNG	02/09/1983	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
409	TT19_1006	HOÀNG VĂN CƯỜNG	22/08/1983	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 5	
410	LT19_1018	LÊ THỊ TUYẾT NHI	19/05/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
411	LT19_1021	NGUYỄN THỊ LIÊU NOA	04/06/1992	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
412	TQ19_1024	DUƠNG ÁNH TUYẾT	07/08/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
413	LN19_1037	NGUYỄN HỒNG PHI	15/07/1993	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
414	MH19_1038	HOÀNG THỊ THU	04/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
415	TQ19_1040	HOÀNG THỊ ANH THU'	30/03/1994	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
416	KL19_1044	MAI ANH TUẤN	12/09/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
417	TQ19_1046	NGUYỄN THỊ NGỌC NHƯ'	27/07/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
418	HL19_1049	NGÔ THỊ THÙY THƯƠNG	26/08/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
419	KL19_1052	TRẦN THỊ THANH THƯƠNG	19/01/1994	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
420	HL19_1055	PHAN LÂM THÁI	20/12/1992	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
421	TQ19_1064	HUỶNH NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	07/05/1996	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 6	
422	LT19_1065	NGUYỄN KHƯƠNG DUY	20/11/1989	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
423	HL19_1066	CAO VĂN HOÀNG	18/03/1981	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
424	LN19_1067	LÊ NGUYỄN PHƯỚC THÀNH	20/11/1996	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
425	MH19_1068	TRẦN THỊ THU HẰNG	27/07/1978	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
426	TT19_1069	NGUYỄN VĂN TÂN	18/11/1991	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
427	KL19_1074	TRẦN THỊ MINH THÁI	02/08/1983	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
428	HD19_1077	LÊ THỊ THANH THẢO	28/12/1986	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
429	MH19_1080	MẠNH QUANG VŨ	05/10/1993	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
430	KL19_1084	SŨ NHƯ NGỌC	30/01/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
431	MH19_1088	TRẦN THỊ HOA HIỀN	28/10/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
432	TT19_1090	TRẦN HỮU Bảo	22/12/1993	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
433	TQ19_1091	HOÀNG MINH HIẾU	12/03/1992	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 7	
434	TT19_1094	TRIỆU NGUYỄN THỊNH	15/03/1993	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
435	HD19_1095	NGUYỄN MAI VI	16/06/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
436	KL19_1096	TRẦN THỊ TUYẾT NGÂN	20/06/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
437	BN19_1098	TRẦN THỊ TUYẾT HỒNG	13/06/1989	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
438	TT19_1106	LÊ VĂN HIẾU	26/06/1980	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
439	MH19_1107	NGUYỄN VĂN MINH	22/02/1996	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
440	KL19_1110	THÁI THỊ MỸ LÝ	10/03/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
441	LN19_1111	TRẦN VĂN HIẾU	20/11/1990	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
442	KL19_1114	NGUYỄN THỊ LỆ UYÊN	19/05/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
443	HL19_1117	ĐOÀN TIẾN DŨNG	06/06/1995	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
444	TQ19_1121	NGUYỄN THỊ KIM THOA	26/08/1986	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
445	LN19_1126	TRẦN BẢO HƯNG	27/08/1988	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 8	
446	MH19_1129	VĂN BẢO NGÂN	02/08/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
447	LT19_1131	HỒ QUỐC ÁI	15/05/1993	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
448	BN19_1140	ĐOÀN VIỆT LONG	08/09/1991	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
449	TQ19_1146	NGUYỄN TUẤN PHÚ	12/12/1996	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
450	TQ19_1152	NGUYỄN THỊ THÙY LÊN	11/04/1994	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
451	KL19_1161	ĐẶNG THỊ BÍCH TUYÊN	22/03/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
452	LT19_1162	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	05/12/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
453	LN19_1165	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	25/10/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
454	KL19_1167	NGUYỄN THỊ NGỌC THU	11/12/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
455	HD19_1181	NGUYỄN THỊ BÍCH TRINH	20/07/1994	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
456	LN19_1182	ĐẶNG MINH TẠI	14/05/1996	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
457	LT19_1190	NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM	20/08/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 9	
458	HD19_1193	TRƯƠNG VŨ THANH LÂM	02/04/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
459	HL19_1195	PHẠM THỊ THANH VIÊN	20/02/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
460	TQ19_1197	NGUYỄN THỊ DIỆU MY	09/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
461	TT19_1203	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	07/03/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
462	HD19_1204	TRẦN ĐỨC MẠNH	27/08/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
463	LN19_1205	LẠI BÌNH MINH	15/05/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
464	KL19_1211	HOÀNG THỊ HỒNG THẨM	13/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
465	LN19_1212	PHẠM MINH VIÊN	16/09/1987	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
466	BN19_1219	LÊ THỊ MƠ	10/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
467	LN19_1223	TẠ THỊ HÀ	26/07/1992	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
468	TQ19_1225	TRẦN THỊ NGỌC YẾN	15/04/1989	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
469	TT19_1231	TRẦN NGỌC ĐẾN	16/11/1989	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 10	
470	HL19_1237	LÊ THỊ MINH TUYÊN	04/03/1990	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
471	HL19_1241	VĂN CÔNG TÀI	04/10/1994	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
472	HD19_1242	NGUYỄN NGUYỄN CHƯƠNG	22/02/1994	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
473	TQ19_1243	PHẠM THỊ MINH HẠ	17/04/1990	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
474	LN19_1244	LÊ MINH TÔN	14/04/1991	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
475	LT19_1247	DƯƠNG HỒNG THÁI	01/03/1997	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
476	HD19_1251	NGUYỄN THỊ CHÍ THANH	10/07/1990	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
477	LN19_1253	LÊ TẤN TUYÊN	01/01/1989	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
478	MH19_1263	NGUYỄN THỊ THU MƠ	23/09/1990	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
479	BN19_1268	NGUYỄN TRẦN NHẬT LINH	24/11/1993	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
480	TT19_1271	ĐOÀN THANH HẢI	04/04/1996	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
481	TQ19_1274	LƯU VĂN LONG	20/07/1994	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 11	
482	HL19_1283	VŨ THỊ NGỌC MAI	04/04/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
483	LN19_1286	PHẠM THỊ ANH	04/09/1992	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
484	HL19_1287	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	08/03/1994	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
485	HD19_1289	TRẦN VĨ NGHĨA	27/10/1988	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
486	TQ19_1290	ĐÀO XUÂN THANH	23/08/1979	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
487	HL19_1291	PHẠM NHON QUÝ	02/10/1989	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
488	TA19_1293	NGUYỄN DUY LINH	28/04/1996	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
489	LN19_1294	HUỖNH PHÁT THÀNH	14/04/1988	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
490	TT19_1306	TRẦN VĂN ANH	03/01/1996	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
491	TA19_1313	NGUYỄN HỮU TÍNH	02/10/1995	Nam	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
492	TA19_1315	MAI THỊ HỒNG	06/06/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
493	BN19_1320	NGUYỄN THỊ NGÂN	13/01/1995	Nữ	Giáo viên môn Toán học	Toán 12	
494	LT19_667	NGÔ NGỌC THÚY	25/10/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
495	TQ19_676	NGUYỄN NGỌC TÂN	08/07/1994	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
496	TT19_678	HUỖNH THỊ HƯƠNG GIANG	30/07/1994	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
497	LT19_688	LÊ THANH HOÀI	06/09/1990	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
498	TQ19_696	NGUYỄN QUỐC MINH	09/11/1991	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
499	TQ19_700	PHẠM THỊ NGỌC ANH	25/10/1992	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
500	HD19_704	NGUYỄN HOÀNG OANH	17/09/1995	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
501	TQ19_706	PHẠM THỊ CHUNG	06/08/1991	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
502	BN19_707	NGUYỄN MINH TUYẾN	04/11/1992	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
503	TQ19_743	NGUYỄN THỊ THẢO DUY	26/02/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
504	KL19_751	NGUYỄN VĂN THUẬN	21/10/1994	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
505	HD19_755	TRẦN THANH LAN	25/06/1997	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 1	
506	TQ19_770	TRẦN CÔNG MINH	14/10/1996	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
507	MH19_772	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	16/04/1979	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
508	TQ19_783	TRẦN HỮU CẦU	09/04/1990	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
509	BN19_789	VÕ QUANG DUY	17/06/1993	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
510	LT19_791	HỒ MINH DƯƠNG	14/02/1994	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
511	MH19_794	NGUYỄN THỊ HỒNG LANH	01/05/1991	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
512	LT19_799	NGUYỄN VĂN PHONG	10/06/1993	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
513	TQ19_803	HUỖNH THỊ PHƯƠNG LAN	13/02/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
514	MH19_817	LỮ LÝ HOÀNG	02/12/1987	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
515	BN19_819	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYỀN	09/10/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
516	MH19_826	MAI THỊ THÚY HẰNG	22/07/1995	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
517	BN19_830	HOÀNG THỊ TUYẾT TRINH	23/03/1991	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 2	
518	HL19_842	NGUYỄN LÂM THỦY LINH	03/04/1992	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
519	TT19_844	NGUYỄN VĂN ĐẠI	31/10/1996	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
520	HL19_851	NGUYỄN THỊ HOÀNG VY	18/10/1995	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
521	LT19_855	TRỊNH NHƯ NGỌC	02/12/1990	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
522	TQ19_871	ĐẶNG THỊ THANH THÚY	30/11/1988	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
523	TT19_873	NGUYỄN BÔNG	02/10/1996	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
524	TT19_879	PHẠM ĐIỀN KHOA	08/04/1997	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
525	TQ19_882	LƯƠNG MINH THƯ	14/08/1997	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
526	HL19_884	TRẦN TUỜNG THI	30/05/1997	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
527	BN19_893	MAI VĂN TÂN	13/12/1995	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
528	MH19_898	PHAN THỊ KIM THI	20/09/1995	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
529	TT19_900	THÁI HOÀNG TÂN	25/02/1997	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 3	
530	KL19_906	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYỀN	24/01/1992	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
531	BN19_913	TRẦN QUỐC TRỊ	18/08/1989	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
532	LT19_922	VŨ THỊ NGỌC HÀ	02/11/1992	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
533	HL19_927	LÊ THỊ LÀNH	10/10/1987	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
534	TT19_930	PHAN HUỖNH THẢO VY	29/09/1997	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
535	TQ19_933	LÊ THỊ THẢO	10/06/1987	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
536	LT19_939	NGUYỄN THIÊN KHIÊM	22/08/1994	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
537	TT19_944	HUỖNH MINH VƯƠNG	17/01/1992	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
538	MH19_958	ĐẶNG THỊ QUYÊN	03/04/1997	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
539	TT19_966	LÊ THỊ MỸ THÂM	12/08/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
540	BN19_979	TRẦN NHƯ THẢO	30/05/1997	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
541	LN19_991	HÀ VĂN NAM	26/03/1981	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 4	
542	TQ19_997	NGUYỄN THU THẢO	25/12/1992	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
543	TQ19_1003	ÔN TRẦN NGỌC VINH	12/08/1992	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
544	LT19_1009	TRẦN NGUYỄN HOÀNG DUY	23/09/1997	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
545	LT19_1016	TRỊNH THỊ ÁI LÂM	04/05/1995	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
546	MH19_1028	NGUYỄN THỊ VÂN	02/04/1994	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
547	BN19_1039	CAO NGUYỄN THÊ THANH	18/05/1991	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
548	LN19_1043	HOÀNG ANH THOẠI	10/12/1984	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
549	MH19_1056	LÊ KIM THỦY	02/05/1994	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
550	LN19_1058	NGUYỄN THỊ PHÚC	01/02/1986	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
551	TT19_1061	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	20/01/1992	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
552	HD19_1063	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	15/01/1996	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
553	MH19_1092	ĐỖ THỊ MỸ DUYÊN	03/01/1997	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 5	
554	MH19_1100	NGUYỄN THỊ KIM PHA	20/09/1992	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
555	BN19_1102	NGUYỄN THỊ THANH Ý	02/03/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
556	LN19_1103	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	10/03/1992	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
557	LN19_1108	TRẦN THỊ THÙY	20/02/1994	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
558	BN19_1109	NGUYỄN MINH NGỌC	15/07/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
559	MH19_1119	TRẦN THỊ DIỄM HƯƠNG	31/08/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
560	TQ19_1128	PHẠM THÙY ANH	23/03/1997	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
561	LN19_1136	NGUYỄN TRUNG HIỆU	17/12/1993	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
562	KL19_1141	TRẦN HOÀNG PHÚC	19/01/1995	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
563	KL19_1151	VÕ THỊ THANH HƯƠNG	27/02/1997	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
564	HL19_1158	ĐÀM THỊ THANH THÚY	22/09/1988	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
565	HD19_1166	NGÔ VŨ THIÊN QUANG	07/04/1995	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 6	
566	BN19_1174	TRẦN HỒNG UYÊN	27/09/1994	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
567	LN19_1186	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	08/03/1992	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
568	TT19_1187	NGUYỄN THỊ DUNG	12/12/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
569	HL19_1188	ĐOÀN THỊ HOA	21/01/1997	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
570	LT19_1198	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	29/01/1990	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
571	HD19_1215	TRẦN THỊ HUÊ	23/06/1993	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
572	TQ19_1216	LÊ NGỌC TIỀN	23/09/1991	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
573	LN19_1217	LÊ QUỲNH NHƯ	09/04/1986	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
574	BN19_1235	LÊ MINH PHƯƠNG	12/04/1997	Nam	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
575	BN19_1254	CAO THỊ THÚY	12/07/1997	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
576	LN19_1267	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	20/02/1995	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
577	HD19_1278	NGUYỄN Y PHỤNG	20/05/1994	Nữ	Giáo viên môn Vật lý	Lý 7	
578	HD19_373	NGUYỄN THU DUNG	08/03/1984	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
579	TQ19_393	LÊ THỊ GIANG	02/02/1991	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
580	HD19_471	TRẦN NGUYỄN ĐÀI NGUYỄN	15/12/1996	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
581	LT19_477	NGUYỄN LÊ VIỆT	26/09/1979	Nam	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
582	HD19_576	DƯƠNG THỊ KIỀU OANH	26/05/1987	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
583	LT19_665	NGUYỄN TUYẾT CƯƠNG	03/01/1985	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
584	TT19_720	TRẦN THỊ LINH CHI	01/12/1984	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
585	LN19_831	NGÔ THANH XUÂN	20/08/1986	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
586	MH19_850	NGUYỄN TÁ MỘNG THU	15/06/1968	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	
587	TQ19_1328	PHAN NGỌC MỸ QUỲNH	30/09/1990	Nữ	Nhân viên Thủ quỹ	Thủ quỹ	

TT	Mã TD Vòng 2	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Phòng kiểm tra	Ghi chú
588	LT19_301	TRẦN THỊ THANH THỦY	09/05/1990	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
589	LT19_467	LƯUỒNG THỊ THÚY	07/05/1988	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
590	MH19_592	HỒNG GẮM	05/01/1991	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
591	HD19_594	LÊ THỊ TUYẾT PHƯƠNG	18/06/1984	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
592	LN19_677	TRẦN THỊ NGUYỆT	13/06/1970	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
593	MH19_777	TRẦN THỊ THANH THẢO	07/10/1995	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
594	TT19_1051	TRẦN HIẾU HẠNH	03/08/1990	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
595	TQ19_1202	PHAN NGỌC THỦY ÁI	20/06/1990	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
596	HL19_1245	NGUYỄN THỊ VINH	15/05/1985	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
597	HD19_1261	NGUYỄN NGỌC HỒNG NHI	21/07/1997	Nữ	Nhân viên Thư Viện	Thư viện	
598	LT19_377	NGUYỄN THỊ THANH MAI	23/01/1993	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
599	TQ19_425	PHAN THỊ SÁNH	12/07/1987	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
600	MH19_466	MAI THỊ THỦY LUY	24/02/1988	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
601	MH19_510	VƯƠNG TRẦN THANH TÚ	23/08/1985	Nam	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
602	MH19_545	NGUYỄN ĐÌNH KHOA	20/10/1991	Nam	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
603	HL19_584	PHẠM THỊ CÚC	10/12/1985	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
604	TT19_588	TRẦN QUANG HIẾU	15/08/1970	Nam	Nhân viên Văn thư	Văn thư	
605	MH19_618	NGUYỄN THỊ MAI THI	27/11/1970	Nữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư	

Tổng danh sách có 605 người./.